TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 01 – 02 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Thái Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Trương Quang Chinh

2. Ông Y Mưng Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Đình Hán– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị V, sinh năm 1986, tại tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T; Chồng: Mai Thanh H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự; Ngày 29/12/2016, bị Công an xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/9/2017, tạm giam ngày 02/10/2017, đến ngày 25/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H và bà Mai Thị S; Chồng: Phan Thanh H và 01 con, sinh năm 2013; Tiền án,tiền sự; Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Thị P, sinh năm 1991, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị V; Chồng: Trần Mạnh H và 01 con, sinh năm 2012; Tiền án,tiền sự; Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

4. Đinh Thị Hồng T, sinh năm 1989, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Xuân H và bà Đinh Thị T; Chồng: Trần Thanh H và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án,tiền sự; Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1990, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T; Chồng: Lê Văn T và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án,tiền sự; Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Xuân T, tên gọi khác: B, sinh năm 1991, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị V; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 26/01/2016 bị Công an huyện Krông Búk xử phạt 750.000đ về hành vi cố ý gây thương tích; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Xuân T, sinh năm 1989, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị V; Vợ: Đinh Thị Thu H và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không;Tiền sự; Ngày 26/01/2016 bị Công an huyện Krông Búk xử phạt 750.000đ về hành vi cố ý gây thương tích; Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

8. Đinh Vũ T, sinh năm 1989, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Quang T và bà Đinh Thị T; Vợ: Phan Thị Nguyên H và 01 con, sinh năm 2017; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/9/2017, đến ngày 01/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Hương L và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/9/2017, đến ngày 02/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

10. Trần Mạnh H, tên gọi khác: T; sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức H (chết) và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Trương Thị P và 01 con, sinh năm 2012; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/9/2017, đến ngày 01/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

11. Trần Thanh H, sinh năm 1991, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức H (chết) và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Đinh Thị Hồng T và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/9/2017, đến ngày 01/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

12. Phan Thanh H, tên gọi khác: Đ, sinh năm 1992, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thái S và bà Phạm Thị N; Vợ: Nguyễn Thị H và 01 con, sinh năm 2013; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/9/2017, đến ngày 01/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Đức N, sinh năm 1992, tại tỉnh; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Huy và bà Mai Thị Sao; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/9/2017, đến ngày 02/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

14. Trần H, sinh năm 1984, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức H (chết) và bà Nguyễn Thị L; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

15. Trần Thị M, sinh năm 1988, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị H; Chồng: Nguyễn Mạnh H và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013;Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

16. Đinh Thị Thúy H, sinh năm 1985, tại tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Minh L và bà Trương Thị T; Chồng: Hoàng Long K (đã ly hôn), 01 con, sinh năm 2015; Tiền án,tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Công Th, sinh năm 1973

Nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt có lý do

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk: có mặt

2. Ông Phan Thái S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt

5. Ông Đinh Minh L, sinh năm1962

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt

6. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt

7. Anh Trần Xuân H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K,tỉnh Đắk Lắk: có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 21 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Thị V, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Trương Thị P, Đinh Thị Thúy H và Nguyễn Thị Hương L là những người hay đi làm công với nhau, tập trung tại nhà của ông Phan Thái S ở thôn T, xã C và rủ nhau đi trộm củ khoai lang về bán lấy tiền. Tất cả thống nhất với nhau là rủ thêm chồng và người nhà cùng đi trộm cắp và để vận chuyển số củ khoai trộm cắp được về nhà, cả nhóm đối tượng cùng hẹn nhau đến 23 giờ ngày 21 tháng 9 năm 2017 gặp nhau trước trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng, tại xã C, huyện K rồi cùng đi. Sau khi bàn bạc thống

nhất xong thì H, L, H, T, P và Vui về nhà rủ thêm Đinh Vũ T, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Trần Mạnh H, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trần Thị M, Trần Văn T, đều trú tại xã C, huyện K và Nguyễn Đức N, trú tại thôn L, xã P, huyện K. Khoảng hơn 23 giờ ngày 21 tháng 9 năm 2017 như đã hẹn các đối tượng tập trung trước trường Phan Đình Phùng rồi đi trộm khoai. Khi đi Phan Thanh H dùng xe môtô biển số:47R5-3911(xe của Phan Thái S) chở Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị H, Trần Văn H dùng xe mô tô biển số: 47 M8-4818 (xe của H) chở P, Trần Văn H dùng xe mô tô biển số: 47 U1-03982 (xe của H) chở T, Lê Văn T dùng xe mô tô biển số:47H4-3276 (xe của ông Nguyễn Văn P) chở L, Trần H dùng xe mô tô biển số: 47B1-23511(xe của bà Nguyễn Thị L) chở V, Trần Văn T dùng xe mô tô không biển số (xe của Đinh Minh L) chở H, còn Trần Văn T đi xe mô tô biển số:47K9-1084 (xe của Trần Xuân T), Đinh Vũ T đi xe mô tô biển số:47L1-2871(xe của Đinh Thị T). Do đã nhiều lần đi làm công cho các chủ trồng khoai, nên các đối tượng rất rõ địa hình và nơi có khoai gần thu hoạch. Các đối tượng cùng rủ nhau đến lô khoai lang của anh Nguyễn Công T quản lý, chăm sóc (lô khoai lang này Nông trường cao su C giao khoán đất cho anh T) tại thôn H xã C nhổ trộm khoai lang. Đến khoảng 24 giờ thì cả bọn bắt đầu nhổ khoai, nhổ được khoảng 20 phút thì bị anh T đi tuần tra phát hiện. Anh T đã gọi tổ bảo vệ của Nông trường cao su C đến hỗ trợ bắt giữ kẻ trộm cắp khoai lang. Thấy có người đến, thì cả nhóm bỏ chạy và mang theo số củ khoai đã nhổ được, còn Trần Thanh H thì bị bắt giữ cùng tang vật là 03 bao khoai lang có trọng lượng là: 63 kg. Ngày 22 tháng 9 năm 2017, Đinh Vũ T đã giao nộp 07 bao đựng khoai có trọng lượng là: 273 kg.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 25 tháng 9 năm 2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk xác định: 336 kg củ khoai lang có giá trị 3.360.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk thu giữ được 336kg kg củ khoai lang. Ngày 02 tháng 10 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã trả lại cho ông Nguyễn Công T là chủ sở hữu số khoai lang trên và tạm giữ các xe mô tô biển số: 47 M8-4818 (xe của H) và mô tô biển số: 47 U1-03982 (xe của H) và 02 đèn pin loại đội đầu.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT-HS ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 31; điểm g,h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Nguyễn Thị V: từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần Xuân T: từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần Xuân T: từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Lê văn T: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Đinh Vũ T: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần Mạnh H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần Thanh H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Phan Thanh H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Nguyễn Đức N: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trương Thị P: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Đinh Thị Hồng T: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Nguyễn Thị H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Nguyễn Thị Hương L: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Trần Thị M: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt: Đinh Thị Thúy H: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại 336 kg củ khoai lang cho ông Nguyễn Công T là chủ sở hữu. Tịch thu các xe mô tô biển số: 47M8-4818 (xe của H) và mô tô biển số: 47U1-03982 (xe của H) và 02 đèn in loại đội đầu là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội để sung công.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T thừa nhận việc truy tố, phần luận tội cũng như mức đề nghị áp dụng hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm mà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có điều kiện hòa nhập cộng đồng, phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Người bị hại ông Phan Công T vắng mặt, tuy nhiên ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, đồng thời cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T, ông Phan Thái S, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P; ông Đinh Minh L; ông Trần Xuân T và anh Trần Xuân H đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của mình của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm hôm nay là cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên toà cũng như kết quả tranh luận tại phiên toà. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Vào sáng ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng sơ hở trong việc bảo vệ tài sản của gia đình ông Nguyễn Công T. Các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T đã có hành vi trộm cắp 336 kg củ khoai lang có giá trị 3.360.000 đồng.

Xét quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đối với các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T về tội" *Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định năm 1999:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như hậu quả xẩy ra thấy rằng: Các bị cáo là công dân có đủ nhận thức, biết rõ tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều phải bị trừng trị, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, với động cơ tư lợi cho cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười lao động, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Công Thắng.

Xét thấy hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trái qui định của pháp luật hình sự, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành tích cực, tuy nhiên tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo là khác nhau, vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét mức độ hành vi của từng bị cáo để quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị V là người khởi xướng, rủ rê và cũng là người thực hành tích cực, hơn nữa bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 20/12/2016, bị Công an xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính 1.000.000đ. Nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục phạm tội, vì vậy cần có hình phạt nghiêm khắc hơn.

Đối với bị cáo Trần Xuân T và Trần Xuân T, đã có 01 tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích, ngày 26/01/2016 bị Công an huyện Krông Búk xử phạt hành chính với số tiền 750.000đ. Khi được rủ tham gia trộm cắp khoai lang thì các bị cáo đều là người thực hành tích cực. Vì vậy cũng cần có hình phạt cho phù hợp.

Đối với Lê Văn T và Đinh Tuấn V, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp các bị cáo đã cố tình cất dấu số khoai lang trộm được để che dấu tội phạm, gây khó khăn cho cơ quan điều tra.

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Thị V, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Trương Thị P, Đinh Thị Thúy H và Nguyễn Thị Hương L đóng vai trò chủ đạo, các bị cáo là những là những người trực tiếp tham gia, chuẩn bị các vật dụng để trộm cắp, đồng thời các bị cáo còn rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia. Đối với các bị cáo Đinh Vũ T, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Trần Mạnh H, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trần Thị M, Trần Xuân T và Nguyễn Đức N, sau khi được các bị cáo khác rủ rê cùng tham gia, thì cũng đã thực hiện hành vi một cách tích cực.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, giá trị tài sản trộm cắp không lớn và tài sản đã được trả lại cho bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh TuấnV, Nguyễn Đức N, Trần H, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Trần Thị M đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đến ngày 30/01/2018 người bị hại ông Nguyễn Công T có đơn xin bãi nại cho các bị cáo đồng thời cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Vì vậy, cần áp dụng điểm g,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

Xét thấy các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T đều có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo đều là những người lao động làm nông, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Trong vụ án này còn có Trần Xuân H cùng tham gia với Lê Văn T và Đinh Vũ T vận chuyển số khoai lang trộm cắp được đi cất giấu tại nhà ông Phan Thái S, nhưng Trần Xuân H không biết số khoai lang này là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk không xử lý là có căn cứ.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét trong khi lượng hình.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại 336 kg củ khoai lang cho ông Nguyễn Công T

là chủ sở hữu. Tịch thu các xe mô tô biển số: 47M8-4818 (xe của H) và mô tô biển số: 47U1-03982 (xe của H) và 02 đèn in loại đội đầu là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội để sung công.

Đối với xe môtô biển số:47R5-3911(xe của ông Phan Thái S); xe mô tô biển số:47H4-3276 (xe của ông Nguyễn Văn P); xe mô tô biển số: 47B1-23511(xe của bà Nguyễn Thị L); xe mô tô không biển số (xe của ông Đinh Minh L); xe mô tô biển số:47K9-1084 (xe của ông Trần Xuân T), xe mô tô biển số:47L1-2871(xe của bà Đinh Thị T). Khi các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp thì ông Phan Thái S, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L, ông Đinh Minh L và bà Nguyễn Thị T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk không thu giữ là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Công T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T, phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 138; Điều 31; Điều 45, Điểm g,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thị V 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 33 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2017 đến ngày 25/10/2017 (33 ngày tạm giữ, tạm giam = 99 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trần Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.
Xử phạt: Trần Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Lê văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 06 ngày tạm giữ, từ ngày 26/9/2017 đến ngày 02/10/2017 (06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Đinh Vũ T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, từ ngày 22/9/2017 đến ngày 01/10/2017 (09 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trần Mạnh H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, từ ngày 22/9/2017 đến ngày 01/10/2017 (09 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trần Thanh H 01 (môt) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, từ ngày 22/9/2017 đến ngày 01/10/2017 (09 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Phan Thanh H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, từ ngày 22/9/2017 đến ngày 01/10/2017 (09 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trần H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trương Thị P 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Đinh Thị Hồng T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Nguyễn Thị H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Nguyễn Thị Hương L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Trần Thị M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Đinh Thị Thúy H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị V; Trần Xuân T; Trần Xuân T; Lê văn T; Đinh Vũ T; Trần Mạnh H; Trần Thanh H; Phan Thanh H; Trần H; Trương Thị P; Đinh Thị Hồng T; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Hương L; Trần Thị M và Đinh Thị Thúy H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Đức N 01 (môt)năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, từ ngày 23/9/2017 đến ngày 02/10/2017 (09 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại 336 kg củ khoai lang cho ông Nguyễn Công T là chủ sở hữu. Tịch thu các xe mô tô biển số: 47M8-4818 (xe của H) và mô tô biển số: 47U1-03982 (xe của H) và 02 đèn in loại đội đầu là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội để sung công.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Công T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Mạnh H, Nguyễn Thị V, Trần Thanh H, Phan Thanh H, Đinh Vũ T, Nguyễn Đức N, Lê Văn T, Trần H, Trần Xuân T, Trương Thị P, Đinh Thị Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương L, Trần Thị M, Đinh Thị Thúy H và Trần Xuân T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các bị cáo, đương sự khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thái Văn Hải